

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2024  
Ho Chi Minh City, April 12, 2024

Số/ No.: 20240412/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

*Kính gửi:* Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

*To:* Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange  
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF  
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* **FUEKIVFS**  
- Tên Công ty Quản lý quỹ:  
*Fund Management company:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.  
- Tên Ngân hàng giám sát/  
*Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/  
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam  
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* **11/04/2024**  
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	4,500	10.21%
2	AGR	100	0.17%
3	BIC	100	0.24%
4	BID	300	1.31%
5	BMI	100	0.20%
6	BSI	100	0.50%
7	BVH	100	0.35%
8	CTG	1,000	2.82%
9	CTS	100	0.31%
10	EIB	2,000	3.01%
11	EVF	600	0.76%
12	FTS	200	1.00%
13	HCM	500	1.19%
14	HDB	2,800	5.61%
15	LPB	2,900	4.55%
16	MBB	3,700	7.37%
17	MIG	100	0.15%
18	MSB	2,200	2.64%
19	OCB	1,500	1.84%
20	ORS	300	0.40%
21	SHB	3,700	3.47%
22	SSB	1,700	3.13%
23	SSI	1,400	4.33%
24	STB	2,400	5.85%
25	TCB	2,900	11.08%
26	TPB	1,600	2.46%
27	TVS	100	0.20%
28	VCB	800	6.33%
29	VCI	400	1.70%
30	VDS	100	0.18%
31	VIB	1,600	3.07%
32	VIX	800	1.29%
33	VND	1,100	2.03%
34	VPB	6,200	10.04%
	Tiền/ Cash (VND)	2,396,468	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* (VND)

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* (VND)

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value:* (VND)

1,191,975,000

1,194,371,468

2,396,468



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*  
 + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:  
 + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*  
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	27,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BIC	28,950	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BID	52,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	BSI	60,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
5	BVH	41,550	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
6	MBB	23,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	14,350	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	OCB	14,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	TCB	45,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	VCB	94,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
11	VCI	50,800	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
12	VIB	22,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	11/04/2024	10/04/2024	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	27,900,000	27,900,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	11,900.00	11,980.00	(80)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	333,229,639,607	334,674,316,911	(1,444,677,304)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,194,371,468	1,199,549,522	(5,178,054)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	11,943.71	11,995.49	(51.78)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	2,098.75	2,104.01	(5.26)

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 10/04/2024

/ Item 5 is net asset value at 10/04/2024

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 09/04/2024

/ Item 5 is net asset value at 09/04/2024

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
 Authorised Representative of Fund Management Company



**Yun Hang Jin**  
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN